

Số: 3a/2015/TC-KT

V/v: Giải trình báo cáo Tài chính quý III/2015
với quý III/2014.

Thái bình, ngày 06 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng.

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 1.6, Điều 11, Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh giữa quý III/2015(Kỳ báo cáo) và báo cáo quý III/2014 (cùng kỳ trước) như sau:

STT	Nội dung	Quý III/2015	Quý III/2014	Thay đổi + (%) giữa QIII/2015 so với QIII/2014
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	11,845,842,632	6,853,368,001	
	Doanh thu hoạt động chính	11,845,564,894	6,853,278,407	173%
	Doanh thu hoạt động tài chính	277,738	89,594	310%
2	Tổng chi phí	12,438,916,990	4,421,786,963	
	Giá vốn hàng bán	9,766,141,643	6,021,426,804	162%
	Chi phí bán hàng	466,040,326	277,410,745	168%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	519,564,395	276,756,847	642%
3	Lợi nhuận trước thuế	1,094,096,269	277,773,605	394%
4	Lợi nhuận sau thuế	853,395,090	216,663,412	394%

1. Giải trình chênh lệch doanh thu

- Doanh thu hoạt động chính quý III/2015 tăng 300% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Trong Quý III/2015, các mảng hoạt động chính của Công ty đều duy trì được sự ổn định và tiếp tục tăng trưởng từ các hợp đồng đã ký kết từ đầu năm 2015 và ký mới trong quý. Cụ thể, doanh thu dịch vụ vận tải; thi công công trình; cho thuê thiết bị đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ

năm trước, doanh thu từ cung cấp vật liệu xây dựng vẫn duy trì ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động tài chính quý III/2015 giảm 310% so với quý III/2014.

2. Giải trình chênh lệch chi phí

- Giá vốn hàng bán quý III/2015 tăng 162% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Doanh thu quý III/2015 tăng nên dẫn đến giá vốn hàng bán tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp quý III/2015 tăng 188% so với quý III/2014 nguyên nhân: Do tăng trưởng về quy mô hoạt động nên quý III/2015 Công ty đầu tư thêm hệ thống phần mềm, trang thiết bị máy móc, nội thất phục vụ tốt hơn cho việc quản lý kinh doanh của công ty.

- Chi phí bán hàng quý III/2015 tăng 394% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Công ty tiếp tục chế độ hậu mãi chờ hàng đến tận công trình cho khách hàng dẫn đến chi phí bán hàng tăng.

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế quý III/2015 tăng 692% so với quý III/2014 nguyên nhân do: Quý III/2015 Doanh thu thuần tăng, giá vốn hàng bán tăng làm lợi nhuận trước và sau thuế tăng.

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh quý III/2015 so với quý III/2014 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiên Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Quy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2015

Thái Bình, tháng 10 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ **ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015**.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mên	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mên	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy



Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.TiengTrung.vn

định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2015.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - Quý III.2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40,586,313,574	44,093,106,764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,782,712,465	525,736,746
1. Tiền	111		1,782,712,465	525,736,746
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15,940,385,735	21,934,664,823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10,137,026,324	4,503,664,823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5,453,909,413	13,781,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1,000,000,000	3,650,000,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(650,550,002)	-
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140		21,386,313,631	21,000,051,082
1. Hàng tồn kho	141		21,386,313,631	21,000,051,082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,476,901,743	632,654,113

**Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.TiengTrung.vn

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,476,901,743	632,654,113
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38,313,740,593	30,978,496,796
I. Tài sản cố định	220		11,313,740,593	10,978,496,796
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11,313,740,593	10,978,496,796
- Nguyên giá	222		16,849,036,897	15,711,438,943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,535,296,304)	(4,732,942,147)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27,000,000,000	20,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		27,000,000,000	20,000,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		78,900,054,167	75,071,603,560
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20,143,108,555	18,929,631,405
I. Nợ ngắn hạn	310		20,143,108,555	18,929,631,405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3,275,732,018	6,725,127,153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15,286,490,082	11,333,387,406
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,451,601,510	802,505,186
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		129,284,945	68,611,660
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58,756,945,612	56,141,972,155

**Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.TienTrung.vn

I. Vốn chủ sở hữu	410		58,756,945,612	56,141,972,155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52,500,000,000	52,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52,500,000,000	52,500,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6,256,945,612	3,641,972,155
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,641,972,155	2,638,380,498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,614,973,457	1,003,591,657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		78,900,054,167	75,071,603,560

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Ty

KẾ TOÁN TRƯỞNG**Vũ Thị Hằng**



Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình
Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.TiengTrung.vn

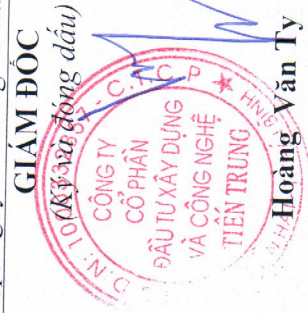
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ III .2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11,845,564,895	6,853,278,407	34,706,531,450	16,202,348,922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		11,845,564,895	6,853,278,407	34,706,531,450	16,202,348,922
4. Giá vốn hàng bán	11		9,766,141,643	6,021,426,804	27,059,429,087	13,564,920,404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2,079,423,252	831,851,603	7,647,102,363	2,637,428,518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		277,738	89,594	403,268	1,009,618
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		466,040,326	277,410,745	1,358,929,526	757,686,909
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		519,564,395	276,756,847	2,860,335,855	1,105,758,711
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1,094,096,269	277,773,605	3,428,240,250	774,992,516
12. Thu nhập khác	31					



13. Chi phí khác	32	-	-	-	100,000,000	-
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	-	-	-	175,710,178	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	-	-	-	(75,710,178)	-
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	1,094,096,269	277,773,605	3,352,530,072	774,992,516
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	240,701,179	61,110,193	737,556,615	178,984,009
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	-	-	-	-	-
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	-	853,395,090	216,663,412	2,614,973,457	596,008,507
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	-	-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-	-

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015



GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hằng

Hoàng Văn Ty



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ III.2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,352,530,072	841,691,663
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		802,354,157	1,248,430,904
- Các khoản dự phòng	03		650,550,002	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(100,000,000)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,705,434,231	2,090,122,567
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,606,172,471	(18,412,103,806)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(386,262,549)	(1,102,280,121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5,786,522,850)	11,807,741,505
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(844,247,630)	161,545,972
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-



- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,294,573,673	(5,454,973,883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,137,597,954)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,037,597,954)	(10,000,000,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	17,500,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-

**Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.TiengTrung.vn

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	17,500,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1,256,975,719	2,045,026,117
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		525,736,746	773,806,820
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1,782,712,465	2,818,832,937

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC**Hoàng Văn Ty****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Vũ Thị Hằng**



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần(VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<u>Cộng</u>	<u>1.745.400</u>	<u>17.454.000.000</u>	<u>49,87</u>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2015 là 144 người (tại 31/12/2014 là 144 người).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;



- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rầm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng,...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau



ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2013 và không thấy có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/09/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 – 15
Máy móc thiết bị	11 – 12
Phương tiện vận tải	8 – 10

Các khoản trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc

hàng hóa cho người mua;

- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế



Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Tiền mặt	1.776.197.497	520.714.052
Tiền gửi ngân hàng	6.514.968	5.022.694
	<u>1.782.712.465</u>	<u>525.736.746</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Cuối kỳ <u>VND</u>	Đầu kỳ <u>VND</u>
Công ty cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	272.114.500	1.493.787.500
Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Thiên An Sơn	3.688.513.439	460.138.719
Công ty cổ phần Đầu tư Tân Phú	131.616.903	201.586.103
Các đối tượng khác	5.811.786.862	814.087.878
	<u>10.137.026.324</u>	<u>4.503.664.823</u>



7. HÀNG TỒN KHO

	Cuối kỳ VNĐ	Đầu kỳ VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	1.193.694.785	1.506.424.211
Hàng hóa	7.699.534.854	4.429.203.656
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.493.083.992	15.064.423.215
	<u>21.386.313.631</u>	<u>21.000.051.082</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	7.454.188.295	2.876.147.186	5.381.103.462	15.711.438.943
Mua trong năm	-	-	1.479.545.454	1.479.545.454
Ghi tăng do XDCB	-	-	-	-
Thanh lý tài sản	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
Tại ngày 30/09/2015	7.454.188.295	2.876.147.186	6.518.701.416	16.849.036.897
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
Khấu hao trong kỳ	397.360.629	189.925.287	387.305.563	968.591.479
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	-
Tại ngày 30/09/2015	1.879.308.648	1.467.965.843	2.188.021.813	5.701.533.625
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
Tại ngày 30/09/2015	<u>5.574.879.647</u>	<u>1.408.181.343</u>	<u>4.330.679.603</u>	<u>11.313.740.593</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON



9.1. Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (*)

30/09/2015

VND

20.000.000.000

20.000.000.000

Ghi chú: (*) Theo Quyết định Đại hội đồng quản trị số 156 và 157/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 và Biên bản hội đồng quản trị số 1021/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Trung quyết định thành lập Công ty con TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình với số vốn là 10.000.000.000 đồng và tăng lên 20.000.000.000 đồng ngày 26/04/2014.

9.2. Công ty cổ phần Sudev Việt Nam

30/09/2015

VND

7.000.000.000

7.000.000.000

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Công ty TNHH thương mại và vận tải Thái Thiện	-	1.651.660.895
Công ty TNHH Hiền Anh	543.219.300	1.050.069.300
Công ty TNHH Thép Hoàng Đạo	-	1.099.954.878
Công ty CP NXX và vận tải Bình Minh	204.171.000	-
Khác	2.528.341.718	2.923.442.080
	3.275.732.018	6.725.127.153

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	93.786.863	182.247.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.353.273.806	615.681.191
Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	1.451.601.510	802.505.186

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
----------------------------------	---	---------------------------



Số dư ngày 01/01/2015	52.500.000.000	3.641.972.155	56.141.972.155
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lãi kinh doanh	-	2.614.973.457	2.614.973.457
- Tăng khác	-		
Số dư ngày 30/09/2015	52.500.000.000	6.256.945.612	58.756.945.612
Vốn điều lệ		Vốn đã góp tại	Vốn đã góp tại
		Cuối kỳ	Đầu kỳ
	Tỉ lệ %	VND	VND
Hoàng Văn Ty	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Xuân Khoa	17.1%	9.000.000.000	9.000.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	9.5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mến	5.2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	4.8%	2.500.000.000	2.500.000.000
Nguyễn Văn Nam	4.6%	2.400.000.000	2.400.000.000
Nguyễn Thị Linh	3.8%	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Văn Vân	3.0%	1.600.000.000	1.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	33.4%	17.456.000.000	17.456.000.000
	100%	52.500.000.000	52.500.000.000
13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
		Quý III/2015	Quý III/2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		5.384.543.333	5.568.356.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ		6.461.021.562	1.284.922.134
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
		11.845.564.895	6.853.278.407
14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN			
		Quý III/2015	Quý III/2014
		VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán		5.155.938.297	5.305.792.641
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		4.610.203.346	715.634.163
		9.766.141.643	6.021.426.804



15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý III/2015	Quý III/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.094.096.269	277.773.605
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.094.096.269	277.773.605
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	240.701.179	61.110.193
Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	853.395.090	216.663.412

16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý III/2015 của Công ty.

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Ty

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hằng